

Số: /BT/TTT-THH

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v đơn đốc kết nối Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tại phiên họp lần thứ nhất của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ngày 30/11/2021 về việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác, kịp thời mức độ, hiệu quả của chuyển đổi số để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tập trung thực hiện đánh giá mức độ truy cập sử dụng Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương.

Ngày 02/6/2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Văn bản số 2015/BT/TTT-THH gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, cấp tỉnh (LGSP), kết nối Hệ thống thu thập, đánh giá mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC).

Tới thời điểm này, Quý Cơ quan đã hoàn thành kết nối theo đề nghị tại Văn bản nói trên. Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Quý Cơ quan:

1. Cung cấp một số thông tin (*theo biểu mẫu kèm theo tại Phụ lục 1 văn bản này*) để Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện việc hiệu chỉnh, đồng bộ với thông tin trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Qua theo dõi, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy kết nối giữa Cổng thông tin điện tử với Hệ thống EMC bị ngắt trong thời gian vừa qua. Số liệu trong khoảng thời gian này sẽ không được ghi nhận.

3. Kết nối Cổng thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị trực thuộc với Hệ thống EMC. Từ đó dữ liệu tổng hợp được chia sẻ đầy đủ cho Quý Cơ quan (*tại Phụ lục 2*).

4. Hiện tại, Quý Cơ quan có thể khai thác các dữ liệu thống kê, tổng hợp trên Hệ thống EMC. Trong trường hợp Quý Cơ quan có nhu cầu về báo cáo, thống kê thông tin nằm ngoài phạm vi hệ thống đang có, đề nghị nêu rõ nhu cầu để Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, bổ sung trong thời gian tới.

Đầu mối liên hệ của Bộ Thông tin và Truyền thông: đồng chí Đỗ Lập Hiền, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ thông tin (ĐT: 0916033555; email: dlhien@mic.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Cục An toàn thông tin;
- Lưu: VT, THH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Huy Dũng

PHỤ LỤC 1

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

(Kèm theo công văn số /BTTTT-THH ngày / /2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Mã số dịch vụ công trên Hệ thống MCDT/DVC (1)	Mã số của dịch vụ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (2)	Tên của dịch vụ công trực tuyến	Cấp độ dịch vụ công trực tuyến

Chú thích:

(1) Mã số dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Quý Cơ quan;

(2) Mã số của dịch vụ công tương ứng trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC LOẠI DỮ LIỆU HỆ THỐNG EMC
THU THẬP, THEO DÕI

(Kèm theo công văn số /BTTTT-THH ngày / /2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

STT	LOẠI DỮ LIỆU	CHÚ THÍCH
1	Lượt truy cập	<ul style="list-style-type: none">- Hiển thị số lượt truy cập theo thời gian.- Hiển thị số lượt truy cập theo thời gian thực, thể hiện mức độ tăng giảm số lượt truy cập so với cùng kỳ trước đó (theo tỷ lệ %).
2	Số trang xem trung bình/lượt truy cập (tăng giảm theo cùng kì)	<ul style="list-style-type: none">- Tính bằng tổng số lượt xem trang (pageview) / lượt truy cập (visit).- Hiển thị số lượt xem theo thời gian thực, thể hiện mức độ tăng giảm số trang xem trung bình so với cùng kỳ trước đó (theo tỷ lệ %).
3	Thời gian truy cập trung bình	Thời gian truy cập trung bình của người dùng tính theo khoảng thời gian bắt đầu và kết thúc của các Visit (trung bình cộng của thời gian bắt đầu và kết thúc của mỗi Visit vào trang).
4	Tỷ lệ thoát trang	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ thoát là phần trăm người dùng rời khỏi Cổng/ Trang thông tin điện tử sau khi chỉ truy cập vào một trang thành phần (người dùng vào xem một trang thành phần và rời đi ngay mà không truy cập bất kỳ trang nào khác).- Hiển thị mức độ tăng giảm tỷ lệ thoát trang của người dùng so với cùng kỳ trước đó (theo tỷ lệ %).
5	Bản đồ truy cập dựa trên nền tảng địa lý	Mô phỏng bản đồ thế giới với màu sắc đậm nhạt khác nhau thể hiện tương ứng với lượng visit tại từng quốc gia.
6	Lượt truy cập trong 24 giờ	Hiển thị số lượt truy cập và tỷ lệ lượt xem trang/lượt truy cập theo các khung giờ trong ngày.
7	Biểu đồ lượt truy cập theo ngày	Biểu đồ hiển thị số lượng visit theo ngày.

8	Danh sách các trang thành phần được xem nhiều	Hiện thị danh sách các trang thành phần được xem nhiều nhất.
9	Danh sách quốc gia	Danh sách các quốc gia có truy cập vào trang.
10	Loại thiết bị truy cập	Biểu đồ thể hiện tỷ lệ các loại thiết bị mà người dùng sử dụng để truy cập vào trang.
11	Loại trình duyệt	Biểu đồ thể hiện tỷ lệ các loại trình duyệt mà người dùng sử dụng để truy cập vào trang.
12	So sánh các trang	Biểu so sánh trên một số tiêu chí của hai Cổng/Trang thông tin điện tử trong cùng một khoảng thời gian.

II. CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

STT	LOẠI DỮ LIỆU	CHÚ THÍCH
1	Tổng lượt xem trang	Tổng lượt xem trang: tổng số lượt xem trang (pageview) trên toàn bộ hệ thống.
2	Tổng lượt nộp hồ sơ trực tuyến	- Tổng số lần người dùng thực hiện chức năng nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công trực tuyến. - Tỷ lệ phần trăm tăng hay giảm so với cùng kì.
3	Lượt nộp hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công mức độ 4	- Tổng số lần người dùng thực hiện chức năng nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công trực tuyến đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. - Tỷ lệ phần trăm tăng hay giảm so với cùng kì.
4	Lượt nộp hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công mức độ 3	- Tổng số lần người dùng thực hiện chức năng nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công trực tuyến đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. - Tỷ lệ phần trăm tăng hay giảm so với cùng kì.
5	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến/ tổng số lượt xem trang	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số lượt nộp HSTT)/(tổng số lượt xem trang). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
6	Số DVC mức 4 phát sinh hồ sơ	Hiện thị số lượng DVCTT mức 4 có hồ sơ được nộp.
7	Số DVC mức 3 phát sinh hồ sơ	Hiện thị số lượng DVCTT mức 3 có hồ sơ được nộp.

8	Biểu đồ lượt xem và lượt truy cập theo khoảng thời gian	Hiện thị biểu đồ dạng cột trình diễn tổng số người xem và người truy cập theo từng ngày (khoảng thời gian do người dùng chọn).
9	Tỷ lệ DVCTT mức 4 phát sinh hồ sơ/Tổng số DVCTT mức 4	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVCTT mức 4 có hồ sơ được nộp)/(Tổng số DVCTT mức 4). - Hiện thị tỷ lệ nói trên
10	Tỷ lệ DVCTT mức 4/ tổng số DVC	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVCTT mức 4)/(Tổng số DVC). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
11	Tỷ lệ DVCTT mức 3 phát sinh hồ sơ/Tổng số DVCTT mức 3	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVCTT mức 3 có hồ sơ được nộp)/(Tổng số DVCTT mức 3). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
12	Tỷ lệ DVCTT mức 3/ tổng số DVC	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVCTT mức 3)/(Tổng số DVC). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.

III. HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA ĐIỆN TỬ

STT	LOẠI DỮ LIỆU	CHÚ THÍCH
1	Tổng số HS nộp trên cổng	Tổng số hồ sơ mà người dân nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến (nhưng chưa xác định có nộp thành công hay không).
2	Tổng HS nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.
3	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Tổng số hồ sơ mà Hệ thống thông tin một cửa điện tử tiếp nhận từ tất cả các nguồn trực tuyến (Cổng dịch vụ công trực tuyến, Cổng dịch vụ công quốc gia, và các Hệ thống thông tin khác).
4	Tỷ lệ DVC phát sinh HS trực tuyến	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVC phát sinh HS trực tuyến)/(DVC phát sinh hồ sơ). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
5	Tỷ lệ HS xử lý trực tuyến	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số HS nhận trực tuyến)/(Tổng số hồ sơ tiếp nhận).

		- Hiện thị tỷ lệ nói trên.
6	Top 20 DVC mức 4	Danh sách 20 DVC mức 4 có HSTT phát sinh nhiều nhất trong khoảng thời gian được chọn.
7	Top 20 DVC mức 3	Danh sách 20 DVC mức 3 có HS phát sinh nhiều nhất trong khoảng thời gian được chọn.
8	Thời gian trung bình giải quyết hồ sơ	- Thời gian giải quyết hồ sơ tính bằng thời gian từ lúc tiếp nhận đến lúc trả kết quả. - Thời gian trung bình giải quyết hồ sơ tính bằng (tổng thời gian giải quyết hồ sơ)/(tổng số hồ sơ). - Hiện thị thời gian trung bình nói trên.
9	Tỷ lệ DVC mức 4 phát sinh HS trực tuyến	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVC mức 4 có phát sinh HS trực tuyến)/(tổng số DVC có phát sinh hồ sơ). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
10	Tỷ lệ DVC mức 3 phát sinh HS trực tuyến	- Tỷ lệ tính bằng (Tổng số DVC mức 3 có phát sinh HS trực tuyến)/(tổng số DVC có phát sinh hồ sơ). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
11	Tỷ lệ HS xử lý trực tuyến của DVCTT mức 4	- Tỷ lệ tính bằng (tổng số HSTT của DVC mức 4)/(tổng số hồ sơ của các TTHC tương ứng). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.
12	Tỷ lệ HS xử lý trực tuyến của DVCTT mức 3	- Tỷ lệ tính bằng (tổng số HSTT của DVC mức 3)/(tổng số hồ sơ của các TTHC tương ứng). - Hiện thị tỷ lệ nói trên.